

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2022

*V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình và nuôi con chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 698/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2022 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

HKTT: Đ8, thôn Á, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Gia Lai

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 123/7 đường N, t2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Hoài Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/9/2019.

Trong quá trình chung sống chúng tôi hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/9/2019.

Trong quá trình chung sống chúng tôi hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên đơn anh Hoàng Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn T là có căn cứ vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoài Th.

Về con chung: Anh T chị Th không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T chị Th không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt anh T và chị Th.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Hoài Th và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Hoài Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/9/2019.

Trong quá trình chung sống anh T, chị Th sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Anh T, chị Th đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên anh T, chị Th đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Anh T chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh Toàn, chị Th đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, trong quá trình Tòa án đang giải quyết thì anh T bị bắt về tội Trộm cắp tài sản. Từ khi anh T bị bắt thì chị Th cũng không thăm hỏi anh T. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Như vậy giữa anh T và chị Th mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh T được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh T và chị Th đều xác định không có con chung nên không yêu cầu HĐXX đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Th không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoài Th.

Về con chung: Anh T chị Th không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T chị Th không có tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp thay theo biên lai số: AA/2021/0012555 ngày 29/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Chị Nguyễn Thị Hoài Th không phải chịu tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATANDtỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

